

Tên: .....

Ngữ pháp HW: .....

Lớp: S2...

Độc HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....

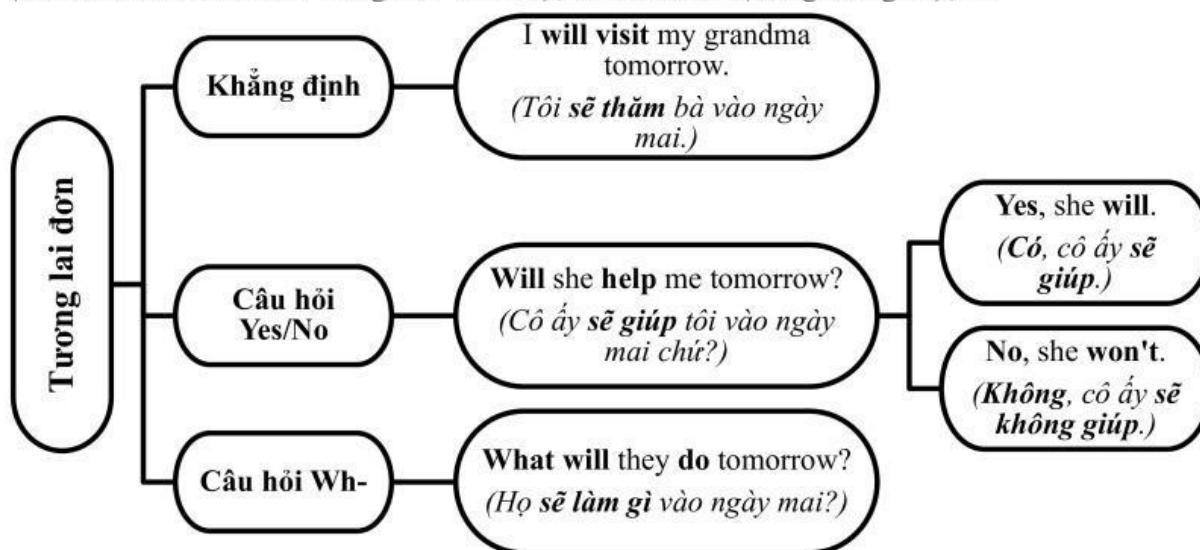


## GE2: Unit 8 - Grammar 2 & Grammar 1 Revision

### A. THEORY

#### I. UNIT 8 - GRAMMAR 2: Future Simple (Tương lai đơn)

- Cách dùng: để nói về hành động sẽ xảy ra trong tương lai.
- Dấu hiệu nhận biết: **tomorrow** (ngày mai); **next week / next weekend / next month / next year** (tuần tới / cuối tuần tới / tháng tới / năm tới); **in the future** (trong tương lai); ...



\*Note: won't = will not.

#### II. UNIT 8 - GRAMMAR 1 REVISION

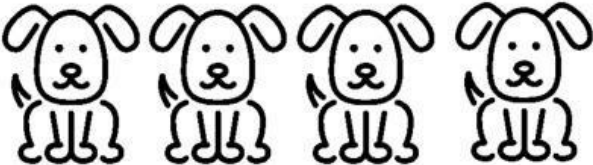
❖ **Possessive pronouns – mine / yours** (Đại từ sở hữu – mine / yours)

- Cách dùng: để nói "cái này là của ai".

- Ví dụ: "This book is **my book**." → "This book is **mine**." (Cuốn sách này là của tôi.)

"This pen is **your pen**." → "This pen is **yours**." (Cây bút này là của bạn.)

❖ **There is / There are**

| There is                                                                                                          | There are                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| There is <b>an apple</b> .<br> | There are <b>three apples</b> .<br> |
| There is <b>a dog</b> .<br>    | There are <b>four dogs</b> .<br>    |

## B. HOMEWORK

**Exercise 3. Read the sentences and circle the correct one.** (Đọc các câu và khoanh tròn câu đúng.)

0.

☒ a. This is my bag. The bag is mine.

b. This is my bag. The bag is my.

c. This is my bag. The bag is me.

2.

a. This is your book. The book is your.

b. This is your book. The book is yours.

c. This is your book. The book is you.

4.

a. There is a cat on the floor.

b. There are a cat on the floor.

c. There is cat on the floor.

1.

a. There are two chairs in the room.

b. There is two chairs in the room.

c. There are two chair in the room.

3.

a. This tablet is you.

b. This tablet is your.

c. This tablet is yours.

5.

a. There is three books on the table.

b. There are three book on the table.

c. There are three books on the table.

**Exercise 4. Read and circle true or false for these sentences.** (Đọc và khoanh tròn đúng hoặc sai.)



I think my weekend will be very fun. On Saturday, I will visit my grandma and I will play in the garden. On Sunday, I will help my mum cook lunch. My brother will watch TV, and we will eat dinner together in the evening.

0. He will visit his grandma on Saturday.

☒ True

False

1. He will play in the garden.

True

False

2. He will go to school on Sunday.

True

False

3. He will help his mum cook lunch.

True

False

4. His brother will sleep.

True

False

5. They will eat dinner together in the evening.

True

False

**6\*. What will you do next weekend?**

→ .....



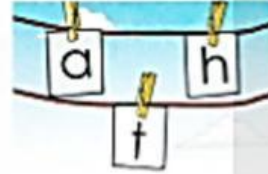
## STARTERS PART 3

Look at the pictures. Look at the letters. Write the words.

Example



h a t

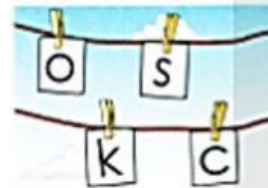


Questions

1



-----



2



-----



3



-----



4



-----



5



-----

